



THỊNH TRƯỜNG PHÁT

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 04975/2025/PKQ(25.3623)

- Đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần may Sông Hồng - Nghĩa Hưng
- Địa chỉ : Đội 12, xã Hồng Phong, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Địa điểm lấy mẫu : Đội 12, xã Hồng Phong, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Ngày lấy mẫu : 18/07/2025
- Ngày trả kết quả : 28/07/2025
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	NT180725-003	NT1	Nước thải tại bể thu gom chung trước khi vào trạm xử lý nước thải tập trung (2219842; 572498)	Nước thải
2	NT180725-004	NT2	Nước thải tại hố ga sau trạm xử lý nước thải trước khi chảy ra kênh Bình Hải I - 11B phía Bắc nhà máy (2219849; 572479)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT1	NT2	Cột A, Cmax
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,6	7,1	6 ÷ 9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2021	32,6	12,4	29,7
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2023	60,0	28,4	74,25
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	189	28	49,5
5	Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(b)	mg/l	TCVN 6637:2000	KPH (MDL = 0,02)	KPH (MDL = 0,02)	0,198
6	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(b)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	3,13	1,35	4,95
7	Tổng N ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	13,7	9,00	19,8
8	Tổng P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	3,21	1,26	3,96
9	Clo dư ^(b)	mg/l	SMEWW 4500-Cl:2023	0	0,1	0,99
10	Coliforms ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	3,9 x 10 ³	9,2 x 10 ²	3.000

Chú thích:

- (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Cột A, Cmax: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; Cmax: (Kq=0,9 và Kf=1, 1).

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Mai Hoàng Anh

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;

